

Bản án số: 925/2018/HNGĐ-PT

Ngày: 15/10/2018

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Thiên Hương

Các thẩm phán: Bà Trần Thị Nhung

Ông Nguyễn Chí Cao.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thoa – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Lê Thị Ngọc Trang - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15/10/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 82/2018/TLPT-HNGĐ ngày 06/8/2018 về việc “Tranh chấp ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 843/2018/HNGĐ-ST ngày 25/6/2018 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3872/2018/QĐPT-HNGĐ ngày 28/8/2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 7679/2018/QĐ-PT ngày 25/9/2018 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Ông Ngô Phú T, sinh năm 1976

Hộ khẩu thường trú: đường C, phường H, quận h T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở hiện nay: đường H, phường Đ, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2/ Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1980

Hộ khẩu thường trú: đường C, phường H, quận h T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở hiện nay: đường H, phường Đ, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Phạm Hữu L – Luật sư Công ty luật hợp danh Anh em luật sư - thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

Trong đơn xin ly hôn và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Ngô Phú T trình bày:

Ông và bà L sau một thời gian tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn, giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 10, quyển số 01 ngày 13/02/2008 của Ủy ban nhân dân xã Hòa An (nay là phường Hòa An), Thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ông T cho rằng vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu sau đó thì vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn và thường xuyên cãi nhau mà nguyên nhân chính là do bà L có hai con riêng với người khác trong thời kỳ hôn nhân với ông T. Do vợ chồng sống chung với nhau, nhưng bà L đã lừa dối và có con riêng bên ngoài nên hiện nay ông T không còn tin tưởng và cũng không thể hàn gắn sống chung với bà L được nữa và vợ chồng cũng đã ly thân với nhau. Hiện nay mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và tình cảm của vợ chồng không còn nên ông T yêu cầu được ly hôn với bà L.

Về con chung: Ông T trình bày vợ chồng không có

Chỉ có hai con riêng của bà L là Ngô Thị Hương G, sinh ngày 16/10/2013 và Ngô Nguyễn Thiên K, sinh ngày 09/6/2017 theo Quyết định số 450/2018/QĐST-HNGĐ ngày 09/4/2018 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về tài sản chung: Ông T trình bày vợ chồng tự thỏa thuận

Về nợ chung: Ông T trình bày vợ chồng không có

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà L trình bày: Bà xác nhận những lời khai của ông T về thời gian quen biết, điều kiện kết hôn, nơi đăng ký kết hôn là đúng sự thật.

Về nguyên nhân mâu thuẫn bà L cho rằng vợ chồng thường xuyên cự cãi, lý do là bà có hai con riêng với người khác, hiện nay vợ chồng đã ly thân; Tuy nhiên, bà trình bày còn thương chồng và xét thấy mâu thuẫn không lớn nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Bà L trình bày không có, chỉ có hai con riêng của bà L là Ngô Thị Hương G, sinh ngày 16/10/2013 và Ngô Nguyễn Thiên K, sinh ngày 09/6/2017 theo Quyết định số 450/2018/QĐST-HNGĐ ngày 09/4/2018 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 843/2018/HNGĐ-ST ngày 25/6/2018 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Phú T.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Ông Ngô Phú T được ly hôn bà Nguyễn Thị Kim L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 10/2008/CNKH quyển số 01 ngày 13/02/2008 của Ủy ban nhân dân xã Hòa An (nay là phường Hòa An), Thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Không có

3. Về tài sản chung: Ông Ngô Phú T và bà Nguyễn Thị Kim L tự thỏa thuận. Nếu sau này có tranh chấp thì giải quyết bằng một vụ án khác.

Về nợ chung: Không có

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 02/7/2018, bà Nguyễn Thị Kim L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 843/2018/HNGĐ-ST ngày 25/6/2018 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh với nội dung:

Bà không đồng ý ly hôn với ông Ngô Phú T vì bà cho rằng mâu thuẫn không trầm trọng

Bà yêu cầu xem xét giải quyết vấn đề tài sản chung trong vụ án

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Ngô Phú T trình bày: Không rút đơn khởi kiện, không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, đề nghị Tòa án giữ nguyên bản án sơ thẩm cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim L.

Do ông không còn tình cảm gì với bà Nguyễn Thị Kim L vì ông cho rằng ông đã bị bà L lừa dối ông về việc sinh ra 02 con tên Ngô Thị Hương G, sinh ngày 16/10/2013 và Ngô Nguyễn Thiên K, sinh ngày 09/6/2017 mà không phải là con ruột của ông trong thời kỳ hôn nhân (qua kết quả giám định AND và Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 450/2018/QĐST-HNGĐ ngày 09/4/2018 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh).

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L xác định: Bà không cung cấp thêm chứng cứ nào khác để chứng minh về yêu cầu kháng cáo của mình. Bà trình bày, bà không đồng ý ly hôn với ông T vì bà vẫn còn tình cảm với chồng, đồng thời đề nghị Tòa án xem xét phần giải quyết tài sản chung của hai vợ chồng. Ngoài ra, bà yêu cầu xem xét vấn đề 02 con chung tên Ngô Thị Hương G, sinh ngày 16/10/2013 và Ngô Nguyễn Thiên K, sinh ngày 09/6/2017 vì bà cho rằng 02 con là con chung của bà với ông Ngô Phú T. Việc ông T đưa 02 con đi giám định AND bà không được biết. Cũng như, việc bà thừa nhận 02 trẻ Ngô Thị Hương G và Ngô Nguyễn Thiên K là con riêng cũng do bà suy nghĩ chưa chín chắn nên đã thừa nhận.

Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị Kim L tranh luận :

Về việc bị đơn không đồng ý ly hôn ông không tranh luận vì bà Nguyễn Thị Kim L đã trình bày với Hội đồng xét xử, luật sư chỉ trình bày một số vấn đề sau để Hội đồng xét xử cân nhắc trước khi quyết định :

Về căn cứ cho ly hôn : Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào Điều 56 luật Hôn nhân gia đình và cho ông Ngô Phú T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim L là chưa rõ vì Tòa án chỉ căn cứ vào việc bà L thừa nhận đã có 02 con riêng trong thời kỳ hôn nhân với ông T và việc ông T cho rằng bà L ngoại tình chỉ là nghi ngờ.

Về yêu cầu phản tố phân tài sản : Tòa án cấp sơ thẩm đưa vụ án ra xét xử, bà L mới nộp đơn phản tố, trước đó bà L đã có yêu cầu nhưng đã không được Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết triệt để. Theo quy định, Hội đồng xét xử có thể cho các bên hòa giải lại và thụ lý đơn phản tố của đương sự, để được xem xét T diện hơn. Do đó, Việc nguyên đơn yêu cầu ly hôn, bị đơn không đồng ý ly hôn thì hai bên vẫn còn có khả năng hàn gắn hoặc nộp đơn giải quyết sau để bảo vệ quyền, lợi ích cho phụ nữ và trẻ em. Đồng thời, tôi không có ý kiến về việc đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L không có ý kiến phản bác gì về lời bảo vệ của luật sư chỉ yêu cầu hủy bản án sơ thẩm để bà có điều kiện yêu cầu khởi kiện trong việc giải quyết những vấn đề về tài sản chung.

Nguyên đơn ông Ngô Phú T tranh luận : Hôn nhân giữa ông và bà L đã không còn khả năng hàn gắn nên ông yêu cầu được ly hôn với bà L, về phần tài sản ông đồng ý sẽ được giải quyết trong vụ án khác. (Hiện nay Tòa án nhân dân quận Bình Tân đã và đang thụ lý giải quyết theo yêu cầu của bà L).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu:

Về hình thức : Việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà L kết hôn năm 2008, vợ chồng sống chung hạnh phúc thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là bà L có 02 con riêng ở ngoài trong thời kỳ hôn nhân với ông T. Hiện nay ông T và bà L tuy có sống chung nhưng không quan tâm đến nhau và có hành vi bạo lực gia đình xảy ra. Xét thấy mâu thuẫn trong đời sống gia đình giữa ông T và bà L trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên chấp nhận cho ông Ngô Phú T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim L là có căn cứ.

Về con chung: Ông T và bà L đều thừa nhận là không có con chung, chỉ có hai con riêng của bà L là Ngô Thị Hương G, sinh ngày 16/10/2013 và Ngô Nguyễn Thiên K, sinh ngày 09/6/2017 theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 450/2018/QĐST-HNGĐ ngày 09/4/2018 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên ông T và bà L không có con chung là có căn cứ.

Về tài sản chung: Tại Biên bản hòa giải, biên bản về việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ ngày 11/5/2018 và bản tự khai ngày 11/5/2018 bà L trình bày nếu có yêu cầu tranh chấp chia tài sản chung thì bà sẽ nộp đơn phản tố và các giấy tờ kèm theo trong hạn 15 ngày nhưng sau 15 ngày bà L vẫn không nộp đơn phản tố. Tại biên bản hòa giải ngày 28/5/2018, bà L có ý kiến về tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận và bà L cũng không nộp đơn yêu cầu phản tố hay có yêu cầu gì về tranh chấp tài sản chung. Ngày 28/5/2018 Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử số 116/2018/QĐXXST. Ngày 05/6/2018 Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh nhận được đơn phản tố của bà L về yêu cầu chia tài sản chung. Bà L mặc dù được Tòa án thông báo và bà cũng có cam kết nộp đơn phản tố trong thời hạn 15 ngày nhưng bà L không nộp. Việc bà L nộp đơn phản tố sau ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử không có cơ sở chấp nhận theo theo khoản 3 Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. ngoài ra, tại phiên tòa sơ thẩm bà L cũng trình bày bà đang nộp đơn yêu cầu chia tài sản chung tại Tòa án nhân dân quận Bình Tân chờ xem xét giải quyết. Từ những căn cứ nêu trên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên về tài sản chung ông Ngô Phú T

và bà Nguyễn Thị Kim L tự thỏa thuận. Nếu sau này có tranh chấp thì được giải quyết trong một vụ án khác là có căn cứ.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim L làm trong thời hạn luật định phù hợp với quy định tại Điều 271 ; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đương sự kháng cáo đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về áp dụng pháp luật về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim L nhận thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 10/2008/CNKH quyền số 01 do Ủy ban nhân dân xã Hòa An (nay là phường Hòa An), Thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 13/02/2008 cho ông Ngô Phú T và bà Nguyễn Thị Kim L thì hôn nhân giữa ông T và bà L là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng ông bà duy trì hôn nhân hạnh phúc bình thường được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, theo lời khai ông T xác định mâu thuẫn vợ chồng là do trong thời kỳ hôn nhân bà L đã lừa dối và có con riêng với người khác (qua kết quả giám định đối với 02 trẻ Ngô Thị Hương G, sinh ngày 16/10/2013 và Ngô Nguyễn Thiên K, sinh ngày 09/6/2017). Mâu thuẫn giữa ông và bà L trầm trọng, không thể giải quyết được. Hiện nay ông T không còn tin tưởng và cũng không thể hàn gắn sống chung với bà L được nữa và vợ chồng cũng đã ly thân với nhau. Nên ông T yêu cầu ly hôn với bà L và được Tòa án nhân dân quận Bình Tân chấp nhận.

Xét thấy, vợ chồng là phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau san sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; có quyền và nghĩa vụ khi sống cùng với nhau nhưng giữa hai vợ chồng ông T và bà L đã có mâu thuẫn phát sinh và đã vi phạm nghiêm trọng trong quyền và nghĩa vụ của vợ chồng về vấn đề L quan đến con chung làm cho hôn nhân của ông bà không còn hạnh phúc, nay ông T kiên quyết yêu cầu ly hôn với bà L, điều này cho thấy mâu thuẫn giữa hai vợ chồng là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, khả năng đoàn tụ gia đình là không còn. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét T diện chấp nhận yêu cầu của ông Ngô Phú T về việc ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim L là có cơ sở.

Về con chung: Ông T và bà L xác định không có con chung. Chỉ có hai con riêng của bà L là Ngô Thị Hương G, sinh ngày 16/10/2013 và Ngô Nguyễn Thiên K, sinh ngày 09/6/2017. (theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 450/2018/QĐST-HNGĐ ngày 09/4/2018 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân).

Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm bà L không thừa nhận là con riêng, bà cho rằng 02 cháu Ngô Thị Hương G và Ngô Nguyễn Thiên K là con chung của bà và ông T nhưng bà cũng không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh về việc này. Việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông T và bà L không có con chung là có cơ sở.

Về tài sản chung: Tại bản án sơ thẩm ông T yêu cầu tài sản vợ chồng tự thỏa thuận, bà L có yêu cầu phản tố, Xét thấy đơn yêu cầu phản tố ngày 04/6/2018 của bà L sau ngày Tòa án sơ thẩm có quyết định đưa vụ án ra xét xử, mặc dù bà được thông báo và cam kết thời hạn nộp đơn phản tố nhưng bà không nộp. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết yêu cầu tranh chấp tài sản chung của ông T và bà L trong vụ án này và dành cho bà L và ông T có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác khi có yêu cầu là đúng theo quy định của pháp luật.

Xét ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Về tài sản chung và đơn phản tố của bị đơn do nộp sau ngày tòa án đưa vụ án ra xét xử, vì vậy, căn cứ khoản 3 Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 các bên tự thỏa thuận nếu có tranh chấp được giải quyết trong vụ án khác là có căn cứ; về con chung : không có con chung, là có căn cứ; do đó, căn cứ vào tình trạng mâu thuẫn về hôn nhân. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo giữ nguyên bản án sơ thẩm là đúng với quy định của pháp luật.

Xét lời bảo vệ của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn : Những tình tiết đã nêu là không có căn cứ nên không xem xét.

Xét lời đề nghị của bị đơn yêu cầu hủy bản án sơ thẩm là không có căn cứ, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Nợ chung: Ông T và bà L khai không có nợ chung nên không xem xét giải quyết.

Án phí dân sự sơ thẩm : Ông T phải chịu

Án phí dân sự phúc thẩm : Bà L phải chịu

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147; Khoản 1 Điều 148; khoản 1 Điều 308; Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự ;

Tuyên xử : Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim L; giữ nguyên bản án sơ thẩm số 843/2018/HNGĐ-ST ngày 25/6/2018 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình ;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1/ Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận cho ông Ngô Phú T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 10/2008/CNKH quyền số 01 ngày 13/02/2008 của Ủy ban nhân dân xã Hòa An (nay là phường Hòa An), Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp cấp không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Không có

3. Về tài sản chung : Ông Ngô Phú T và bà Nguyễn Thị Kim L tự thỏa thuận. nếu có tranh chấp thì được giải quyết bằng một vụ án khác.

4. Về nợ chung : Không có

5. Về án phí :

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Ngô Phú T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm được căn trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 029164 ngày 07/5/2018 của Chi cục Thi hành án quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh . Ông Phú đã nộp đủ.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim L phải chịu số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được căn trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2018/0029631 ngày 03/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà L đã nộp đủ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THADS quận Bình Tân;;
- TAND quận Bình Tân;
- UBND xã Hòa An (phường Hòa An), Thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HS, VT (T/17).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Lê Thiên Hương